

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2020/DS-PT

Ngày: 11 - 6 - 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Hiệp

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Song Bình.

Bà Trần Thị Thu Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Thanh Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 03 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 228/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 219/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Kim Ph - sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện ủy quyền:** Chị Trương Thị Thanh T - sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị L - sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị Dạ Th - sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**-Người kháng cáo:** Bị đơn bà Trần Thị L.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*\* Nguyên đơn bà Trần Kim Ph trình bày:*

Bà có cho bà Trần Thị L vay số tiền 400.000.000 đồng, với lãi suất 1%/tháng, cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 04/7/2014, bà L vay số tiền 180.000.000 đồng.
- Ngày 29/3/2016, bà L vay tiếp số tiền 220.000.000 đồng.

Khi cho vay số tiền 180.000.000 đồng giữa hai bên có làm hợp đồng giả cách chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đến ngày 29/3/2016 bà giao tiếp số tiền 220.000.000 đồng thì bà L ký nhận tổng số tiền 400.000.000 đồng (trong đó có số tiền 180.000.000 đồng và số tiền 220.000.000 đồng), biên nhận có bà L và chị Th (con gái của bà L) ký tên.

Sau đó giữa bà với bà L đã tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng đất và theo bản án số 75/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, đã buộc bà L trả cho bà số tiền 243.705.000 đồng (bao gồm tiền vốn vay 180.000.000 đồng, tiền lãi là 57.600.000 đồng và tiền bà làm hàng rào là 6.105.000 đồng).

Đối với số tiền vay 220.000.000 đồng vào ngày 29/3/2016 thì tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác.

Nay bà Ph khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền vốn vay là 220.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 29/3/2016 cho đến ngày Tòa án xét xử, tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 33 tháng với số tiền là 72.600.000 đồng, yêu cầu bà L trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Dạ Th trình bày:*

Vào ngày 29/3/2016, chị có ký tên trong tờ cam kết do bà Ph cung cấp cho Tòa án, tuy nhiên chị chỉ ký tên chứ chị không có nhận số tiền 220.000.000 đồng của bà Ph, đồng thời chị không có chứng kiến bà Ph giao cho bà L số tiền 220.000.000 đồng. Chị có biết bà Ph cho mẹ chị là bà L vay tiền nhiều lần chứ không phải 02 lần, ngoài số tiền 180.000.000 đồng mà bà L vay của bà Ph đã được Tòa án tỉnh Tiền Giang giải quyết vào ngày 29/11/2018 thì bà L có vay nhiều khoản khác từ bà Ph, chị không biết chính xác số tiền từng lần bà L vay của bà Ph, nhưng khi bà L và bà Ph cộng lại thành số tiền 220.000.000 đồng như nội dung tờ cam kết, khoản vay này bà L không có thể chấp, mỗi ngày bà Ph đều lấy tiền lãi là 400.000 đồng nhưng chị không biết chính xác là bà L đóng cho khoản tiền vay nào. Nay bà Ph không yêu cầu chị liên đới trả số tiền trên cùng với bà L nên chị không có ý kiến.

*\* Bị đơn bà Trần Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Th vắng mặt tại phiên tòa.*

Bản án dân sự sơ thẩm số 228/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng:

- Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim Ph đối với bà Trần Thị L.

Buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà Ph số tiền vốn là 220.000.000 đồng và tiền lãi là 94.600.000 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Ph có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L chậm trả số tiền nêu trên thì bà L phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Án phí: Bà L phải chịu 15.730.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Ph số tiền 7.135.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 40040 ngày 12/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

\* Ngày 24 tháng 12 năm 2019 bị đơn Trần Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử cho bà được miễn án phí theo quy định pháp luật do bà là người già yếu, không nghề nghiệp và xin trả dần hàng tháng số tiền vốn và lãi, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

*\* Tại phiên Tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày, tranh luận:*

- Bị đơn: Bà Trần Thị L, tiếp tục giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về xin trả dần số tiền nợ hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng và xin miễn án phí do bà là người cao tuổi.

- Nguyên đơn: Bà Trần Kim Ph, (người đại diện theo ủy quyền của bà Ph, chị Trương Thị Thanh T) về nội dung kháng cáo của bà L về miễn án phí nguyên đơn không có ý kiến gì việc xem xét do Hội đồng xét xử quyết định. Đối với nội dung kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng nguyên đơn không đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Từ những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến phiên tòa thể hiện bị đơn thừa nhận nợ nguyên đơn số tiền 220.000.000 đồng tiền vốn và 94.600.000 đồng tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có căn cứ đúng pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ gì khác, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bị đơn về việc cho trả dần số tiền nợ, đối với việc xin miễn án phí, xét thấy bị đơn là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn có cơ sở chấp nhận một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2

Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Dạ Th, đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, tại phiên Tòa phúc thẩm các đương sự không có ý kiến gì về việc vắng mặt của chị Th, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt chị Th.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày, kết quả tranh luận và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Giữa nguyên đơn bà Trần Kim Ph và bà Trần Thị L thể hiện có giao dịch vay số tiền 400.000.000 đồng, với lãi suất 1%/tháng, cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 04/7/2014, bà L vay số tiền 180.000.000 đồng.

- Ngày 29/3/2016, bà L vay tiếp số tiền 220.000.000 đồng.

- + Khi bà L vay số tiền 180.000.000 đồng giữa hai bên có làm hợp đồng giả cách chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đến ngày 29/3/2016 bà giao tiếp số tiền 220.000.000 đồng thì bà L ký nhận tổng số tiền 400.000.000 đồng (trong đó gồm hai lần vay với số tiền 180.000.000 đồng và số tiền 220.000.000 đồng), biên nhận có bà L và chị Th (con gái của bà L) ký tên. Sau đó giữa bà với bà L đã tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng đất và theo bản án số 75/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, đã buộc bà L trả cho bà số tiền 243.705.000 đồng (bao gồm tiền vốn vay 180.000.000 đồng, tiền lãi là 57.600.000 đồng và tiền bà làm hàng rào là 6.105.000 đồng).

- + Đối với số tiền vay 220.000.000 đồng vào ngày 29/3/2016 thì tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác. Do đó, bà Ph khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền vốn vay là 220.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 29/3/2016 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 11/11/2019 là 43 tháng, với số tiền lãi (220.000.000 đồng x 43 tháng x 1%) là 94.600.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà L phải trả cho bà Ph là 314.600.000 đồng (gồm: 220.000.000 đồng tiền vốn và 94.600.000 đồng tiền lãi).

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn thừa nhận khoản nợ như nguyên đơn trình bày với số tiền vốn là 220.000.000 đồng và tiền lãi là 94.600.000 đồng, tổng cộng hai khoản tiền là 314.600.000 đồng, nhưng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị đơn được thanh toán số tiền nợ 314.600.000 đồng theo tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả hàng tháng với số tiền 3.000.000 đồng (theo đơn kháng cáo) và 2.000.000 đồng (theo

lời trình bày tại phiên tòa), các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về phương thức thanh toán, số tiền và thời gian thanh toán như bị đơn kháng cáo yêu cầu.

[4] Xét thấy yêu cầu của bị đơn về số tiền và thời gian trả nợ cho nguyên đơn, qua xem xét lời trình bày, tài liệu, chứng cứ không thể hiện các đương sự khi giao kết hợp đồng vay tài sản không thể hiện việc thỏa thuận nghĩa vụ trả tiền theo định kỳ về thời gian, số tiền và tại phiên tòa các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét chấp nhận, nên bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bị đơn khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Đối với nội dung kháng cáo về miễn án phí dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ do bà L là người cao tuổi (sinh năm 1956), đến thời điểm xét xử bà L 64 tuổi, theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi và điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn thuộc trường hợp được miễn án phí.

[6] Từ những ý kiến của các bên đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị L tại phiên tòa phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ mà chỉ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, nên bác một phần kháng cáo của bị đơn Trần Thị L về nội dung xin trả dần số tiền nợ 314.600.000 đồng mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi hết số nợ.

Khi xét xử sơ thẩm tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét miễn án phí cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà L về phần kháng cáo xin miễn án phí.

Do đó, cần sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 228/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang về phần án phí.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm đối với bị đơn Trần Thị L.

[9] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn Trần Thị L.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 228/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang về phần án phí.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim Ph đối với bà Trần Thị L.

Buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà Ph số tiền vốn là 220.000.000 đồng và tiền lãi là 94.600.000 đồng, thực hiện trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Ph có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L chậm trả số tiền nêu trên thì bà L phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm đối với bà Trần Thị L.

Hoàn lại bà Ph số tiền 7.135.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 40040 ngày 12/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên công TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;  
DSPT-2020-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Hiệp**